

Số: 21/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 22 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí để lại năm 2024; phân bổ dự toán ngân sách địa phương; ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu đợt 1 năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Xét Tờ trình số 2937/TTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí được để lại năm 2024 cho đơn vị cấp tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

Điều 2. Phân bổ dự toán ngân sách địa phương đợt 1 năm 2024

1. Phân bổ dự toán tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 theo Phụ lục 2 kèm theo, trong đó:

a) Phân bổ dự toán ngân sách địa phương cho các đơn vị, địa phương năm 2024 (*chi tiết tại Phụ lục 2.1 và các Phụ lục 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4 kèm theo*).

b) Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi viện trợ cho các đơn vị, địa phương năm 2024 (chi tiết tại Phụ lục 2.2 kèm theo).

2. Phân bổ dự toán từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 (chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

Phụ lục 1

**DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ CÁC KHOẢN PHÍ ĐỂ LẠI
NĂM 2024 - KHỐI CẤP TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số thu	Số phí nộp NSNN	Số phí được để lại
A	B	I	2	3
	TỔNG CỘNG:	63.043	10.847	52.010
1	Sở Giao thông vận tải	19.649	4.980	14.669
2	Sở Thông tin và Truyền thông	65	7	58
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.276	0	1.276
4	Sở Xây dựng	2.250	475	1.775
5	Sở Công thương	780	218	562
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	28.471	3.518	24.952
-	<i>Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường</i>	<i>26.665</i>	<i>2.719</i>	<i>23.945</i>
-	<i>Chi cục Bảo vệ môi trường</i>	<i>1.806</i>	<i>799</i>	<i>1.007</i>
7	Sở Tư pháp	4.610	691	3.735
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.042	269	1.773
-	<i>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>550</i>	<i>55</i>	<i>495</i>
-	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	<i>92</i>	<i>24</i>	<i>68</i>
-	<i>Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản</i>	<i>98</i>	<i>20</i>	<i>78</i>
-	<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>	<i>884</i>	<i>90</i>	<i>794</i>
-	<i>Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư</i>	<i>418</i>	<i>80</i>	<i>338</i>
9	Sở Khoa học và Công nghệ	350	70	280
10	Sở Y tế	1.750	440	1.310
-	<i>Văn phòng Sở Y tế</i>	<i>1.600</i>	<i>395</i>	<i>1.205</i>
-	<i>Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm</i>	<i>150</i>	<i>45</i>	<i>105</i>
11	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	1.800	180	1.620

ng

Phụ lục số 2

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 TẠI
NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-HĐND NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	523.361,277	
1	Phân bổ dự toán ngân sách địa phương cho các đơn vị, địa phương đợt 1 năm 2024	501.846,277	<i>Chi tiết tại Phụ lục 2.1</i>
2	Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi viện trợ cho các đơn vị, địa phương năm 2024	21.515	<i>Chi tiết tại Phụ lục 2.2</i>

ng

Phụ lục 2.1
PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG ĐỢT 1 NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đăng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	Tổng cộng:	501.846,277	8.210,770	4.815,246	66.856,866	13.628,021	101.602,002	16.136,000	233.300,433	36.423,845	15.358,094	250	5.265
A	Chi đầu tư phát triển	5.606			2.632	2.067							907
I	Nguồn chi đền bù giải phóng mặt bằng	4.220			2.153	2.067							
1	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam	2.153			2.153								
-	Kinh phí đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án: Kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp WHA-2	827			827								
-	Kinh phí đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án: Đường N3 nối QL1A vào Khu công nghiệp Hoàng Mai 1	1.326			1.326								
2	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	2.067				2.067							
-	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tiền bảo vệ, phát triển đất chuyên trồng lúa Dự án xây dựng Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (giai đoạn 1)	2.067				2.067							
II	Nguồn quy hoạch	479			479								
1	Ban Quản lý kinh tế Đông Nam	479			479								
-	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	479			479								
III	Nguồn trả phí, lãi vay <i>(chi tiết tại Phụ lục 2.1.1)</i>	907											907
-	Thực hiện nghĩa vụ trả nợ Bộ Tài chính tiền lãi vay và các khoản phí đến hạn của các dự án sử dụng vốn địa phương vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài	907											907

14

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	Chi thường xuyên	491.882,225	8.210,770	4.815,246	64.224,813	11.561,021	101.602,002	16.136,000	233.300,433	36.423,845	15.358,094	250	
I	Kinh phí đối ứng các dự án	1.000			1.000								
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.000			1.000								
-	Kinh phí hỗ trợ Ban triển khai Dự án "Lồng ghép quản lý tài nguyên thiên nhiên và các mục tiêu về bảo tồn đa dạng sinh học vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý các Khu dự trữ sinh quyển Việt Nam" (Văn phòng BQL Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An)	500			500								
-	Dự án khảo sát xác minh kinh doanh SDGs với khu vực tư nhân để phát triển chuỗi giá trị cho tôm Sanuki tại tỉnh Nghệ An (BQL Dự án khảo sát xác minh kinh doanh SDGs với khu vực tư nhân để phát triển chuỗi giá trị cho tôm Sanuky tỉnh Nghệ An)	500			500								
II	Kinh phí sự nghiệp tài nguyên và địa giới hành chính	44.837,649			44.837,649								
1	Sở Nội vụ	17.077,691			17.077,691								
	Văn phòng Sở Nội vụ	17.077,691			17.077,691								
-	Kinh phí Đề án mở rộng địa giới hành chính và không gian đô thị thành phố Vinh	7.477,939			7.477,939								
-	Kinh phí Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2025	9.599,752			9.599,752								
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	27.759,958			27.759,958								
2.1	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	26.919,207			26.919,207								
-	Đo vẽ lại bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính khu vực đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa tại 13 xã thuộc huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	6.400			6.400								

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp, do 10 BQL rừng phòng hộ và 01 BQL rừng đặc dụng quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An	20.000			20.000								
-	Điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An	519,207			519,207								
2.2	Trung tâm Công nghệ thông tin	840,751			840,751								
-	Thu nhận, lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2024	840,751			840,751								
III	Kinh phí sự nghiệp môi trường	4.815,246		4.815,246									
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	4.815,246		4.815,246									
	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	4.815,246		4.815,246									
-	Quan trắc môi trường tỉnh Nghệ An năm 2024	4.815,246		4.815,246									
IV	Kinh phí sự nghiệp văn hóa	9.924									9.924		
1	Sở Văn hóa và Thể thao	9.924									9.924		
1.1	Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao	4.800									4.800		
-	Kinh phí phối hợp tổ chức Chương trình Tết vì người nghèo - Xuân Giáp Thìn	37,592									37,592		
-	Kinh phí tổ chức Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4 và Hội thi tuyên truyền lưu động kỷ niệm 65 năm Ngày mở đường Trường Sơn - Ngày truyền thống Bộ đội trường Sơn (19/5/1959 - 19/5/2024) (Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa)	68,944									68,944		

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động trang trí, tuyên truyền, văn hóa Nghệ thuật chào mừng Năm mới, mừng Đảng, mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024 (Nguồn sự nghiệp ngành văn hóa)	43,359									43,359		
-	Kinh phí sự nghiệp gia đình	650									650		
-	Kinh phí tổ chức lễ hội Làng Sen và Kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa)	4.000									4.000		
1.2	Trung tâm nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An	2.197,416									2.197,416		
-	Kinh phí phối hợp tổ chức Chương trình Tết vì người nghèo Xuân Giáp Thìn	81,360									81,360		
-	Kinh phí phối hợp tổ chức Chương trình nghệ thuật phục vụ đồng bào các dân tộc miền Tây vào dịp chào mừng ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4 /2024	610									610		
-	Kinh phí tổ chức các lớp truyền dạy nâng cao Dân ca Ví, Giặm trong cộng đồng tại các huyện; Tổ chức các lớp truyền dạy cho Câu lạc bộ Dân ca Ví Giặm trên địa bàn Tĩnh; Tổ chức các lớp truyền dạy cho giáo viên âm nhạc các trường học trên địa bàn Tĩnh; Tập huấn cho đồng bào dân tộc thiểu số; Tập huấn dàn nhạc dân tộc; Tập huấn chuyên thể dân ca Ví, giặm Nghệ Tĩnh; Phối hợp tổ chức cuộc thi dân ca Ví, Dặm trong các trường phổ thông (Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa)	806,056									806,056		
-	Kinh phí tổ chức lễ hội Làng Sen và Kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa)	700									700		
1.3	Thư viện tỉnh	2.351,383									2.351,383		
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ triển khai ứng dụng nền tảng công nghệ số trong quản lý thư viện số	2.351,383									2.351,383		

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, tạo tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.4	Trung tâm Văn hóa tỉnh	450									450		
-	<i>Kinh phí tổ chức lễ hội Làng Sen và Kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa)</i>	450									450		
1.5	Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ	80									80		
-	<i>Kinh phí tổ chức lễ hội Làng Sen và Kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa)</i>	80									80		
1.6	Khu Di tích Kim Liên	45									45		
-	<i>Kinh phí tổ chức lễ hội Làng Sen và Kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa)</i>	45									45		
V	Sự nghiệp thể thao	250											250
1	Sở Văn hóa và Thể thao	250											250
1.1	Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao	200											200
-	<i>Tổ chức lễ phát động ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và giải Việt dã tỉnh Nghệ An năm 2024 (Nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục, thể thao)</i>	60											60
-	<i>Kinh phí tổ chức Hội thảo khoa học, định hướng và giải pháp phát triển thể dục thể thao Nghệ An đến năm 2030 (Nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục, thể thao)</i>	140											140
1.2	Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ	50											50
-	<i>Tổ chức lễ phát động ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và giải Việt dã tỉnh Nghệ An năm 2024 (Nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục, thể thao)</i>	50											50
VI	Sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh	54.221,534					54.221,534						
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	54.221,534					54.221,534						
1.1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	50.602,534					50.602,534						
-	<i>Kinh phí tổ chức thi tốt nghiệp THPT</i>	5.200					5.200						

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Kinh phí biên soạn tài liệu giáo dục địa phương	1.000					1.000						
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên (nguồn phân bổ sau sự nghiệp giáo dục năm 2024)	2.902,534					2.902,534						
-	Kinh phí tập luyện, thi đấu Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc (nguồn phân bổ sau sự nghiệp giáo dục năm 2024)	11.500					11.500						
-	Kinh phí mua sắm thiết bị tin học (nguồn phân bổ sau sự nghiệp giáo dục năm 2024)	30.000					30.000						
1.2	Trường PT Dân tộc nội trú THPT số 2	3.619					3.619						
-	Kinh phí hỗ trợ lưu học sinh Lào theo Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo lưu học sinh Lào diện thỏa thuận hợp tác giáo dục, đào tạo của tỉnh Nghệ An nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An (nguồn phân bổ sau sự nghiệp giáo dục năm 2024)	3.619					3.619						
VII	Kinh phí đào tạo vận động viên bóng đá trẻ năm 2024	25.474,938					25.474,938						
1	Sở Văn hóa và Thể thao	25.474,938					25.474,938						
	Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao	25.474,938					25.474,938						
VIII	Kinh phí phân bổ sau sự nghiệp y tế	165					165						
1	Sở Y tế	165					165						
	Văn phòng Sở Y tế	165					165						
-	Kinh phí lãnh đạo tình đi thăm, động viên và hỗ trợ các đơn vị y tế nhân kỷ niệm 69 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam	165					165						

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
IX	Kinh phí thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh	1.652				1.652							
1	Sở Y tế	1.652				1.652							
1.1	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam	240				240							
1.2	Bệnh viện Tâm thần	152				152							
1.3	Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh	320				320							
1.4	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	80				80							
1.5	Bệnh viện Da liễu	60				60							
1.6	Bệnh viện Nội tiết	80				80							
1.7	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	520				520							
1.8	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	40				40							
1.9	Bệnh viện Ung bướu	40				40							
1.10	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc	80				80							
1.11	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40				40							
X	Kinh phí thực hiện chương trình cai nghiện và giải quyết việc làm sau cai	25.017,908							25.017,908				
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.932,693							3.932,693				
1.1	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện tỉnh	1.189,240							1.189,240				
-	Kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy	1.129,240							1.129,240				
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động phòng chống ma túy và Ngày quốc tế phòng chống ma túy 26/06	60							60				
1.2	Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 1	903,763							903,763				
-	Kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy	843,763							843,763				
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động phòng chống ma túy và Ngày quốc tế phòng chống ma túy 26/6	60							60				
1.3	Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 2	1.040,530							1.040,530				

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy	980,530							980,530				
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động phòng chống ma túy và Ngày quốc tế phòng chống ma túy 26/06	60							60				
1.4	Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 3	799,160							799,160				
-	Kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy	739,160							739,160				
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động phòng chống ma túy và Ngày quốc tế phòng chống ma túy 26/06	60							60				
2	Tỉnh đoàn Nghệ An	839,940							839,940				
	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	839,940							839,940				
-	Kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy	779,940							779,940				
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động phòng chống ma túy và Ngày quốc tế phòng chống ma túy 26/06	60							60				
3	Các huyện (chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.1)	20.245,275							20.245,275				
-	Kinh phí thực hiện chương trình cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy	13.064,615							13.064,615				
-	Kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại cộng đồng	7.000,660							7.000,660				
-	Kinh phí hỗ trợ hoạt động hưởng ứng tháng hành động phòng chống ma túy và ngày Quốc tế phòng chống ma túy 26/06 tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	180							180				
XI	Kinh phí sự nghiệp khoa học	36.423,845								36.423,845			
1	Sở Khoa học và Công nghệ	36.423,845								36.423,845			
1.1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	27.230,345								27.230,345			
-	Kinh phí thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp huyện, các hoạt động quản lý đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ	23.700,345								23.700,345			

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực											
			Chi QLNN, đang, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
-	Kinh phí quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và đời môi sáng tạo	3.530								3.530				
1.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp Khoa học và Công nghệ (thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đời môi sáng tạo)	9.193,5								9.193,5				
-	Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	2.610								2.610				
-	Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ và Tin học	2.758,5								2.758,5				
-	Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn	2.772								2.772				
-	Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1.053								1.053				
XII	Kinh phí hỗ trợ đặc thù vùng giáo; người có uy tín	3.358							3.358					
1	Ban Dân tộc	2.610							2.610					
-	Thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín bị ốm đau; thăm hỏi, hỗ trợ gia đình người có uy tín gặp khó khăn (thiên tai, hỏa hoạn); thăm viếng người có uy tín, thân nhân trong gia đình (bố, mẹ, vợ, chồng, con) người có uy tín qua đời	20							20					
-	Tổ chức hội nghị tập huấn, phổ biến, cung cấp thông tin cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	861,640							861,640					
-	Học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh	422,7							422,7					
-	Cấp báo Nghệ An cho người có uy tín	1.305,66							1.305,66					
2	UBND các huyện, thành phố, thị xã (chi tiết tại Phụ lục 2.1.2 kèm theo)	748							748					
-	Thăm hỏi tặng quà tết Nguyễn Đình	463							463					
-	Thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín ốm đau; hỗ trợ gia đình người có uy tín gặp khó khăn; thăm viếng người có uy tín; thân nhân người có uy tín qua đời	285							285					

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
XIII	Kinh phí đoàn ra, đoàn vào	40,8	40,8										
1	Sở Văn hóa và Thể thao	40,8	40,8										
	Trung tâm nghệ thuật truyền thống tỉnh	40,8	40,8										
-	<i>Kinh phí phối hợp tổ chức Chương trình đón tiếp đoàn các tỉnh nước CHDCND Lào chúc Tết Giáp Thìn 2024 tại tỉnh Nghệ An</i>	40,8	40,8										
XIV	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tỉnh giao	5.849	5.849										
1	Sở Y tế	245	245										
	Văn phòng Sở Y tế	245	245										
-	<i>Kinh phí tổ chức tổng kết, tuyên dương trong công tác phòng chống dịch Covid-19 giai đoạn 2020 - 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	245	245										
2	Sở Du lịch Nghệ An	643	643										
-	<i>Kinh phí tổ chức Hội nghị đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025</i>	155	155										
-	<i>Tham gia các hoạt động du lịch Việt Nam tại Hội chợ Travel 2024</i>	488	488										
3	Sở Công thương	75	75										
	Văn phòng Sở Công thương	75	75										
-	<i>Tổ chức Hội nghị tổng kết cụm thi đua Bắc Trung Bộ</i>	75	75										
4	Trung tâm Xúc tiến đầu tư Thương mại và Du lịch	309	309										
-	<i>Tổ chức Đoàn đi thăm, chúc Tết một số doanh nghiệp, Nhà đầu tư nhân dịp Xuân Giáp Thìn năm 2024</i>	309	309										
5	Hội Cựu chiến binh tỉnh	36	36										

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Kinh phí đón tiếp đoàn công tác Hội Cựu chiến binh tỉnh Đắk Nông đi thăm chiến trường xưa lưu trú tại các tỉnh miền Trung và các tỉnh phía Bắc Việt Nam	36	36										
6	Tỉnh đoàn Nghệ An	2.135	2.135										
-	Kinh phí tổ chức Lễ phát động tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Giáp Thìn và khởi động Tháng thanh niên	1.820	1.820										
-	Kinh phí chương trình Tháng ba biên giới năm 2024	315	315										
7	Đài phát thanh và truyền hình	97	97										
-	Kinh phí tổ chức Lễ phát động tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Giáp Thìn	97	97										
8	Sở Thông tin và Truyền thông	415	415										
	Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	415	415										
-	Kinh phí xuất bản Bản tin Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2024	415	415										
9	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam (Kinh phí xây dựng Đề án Mở rộng Khu kinh tế Đông Nam và đổi tên thành Khu kinh tế Nghệ An)	1.673	1.673										
10	Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Phát triển hạ tầng Nghệ An (Kinh phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và tiền điện chiếu sáng tuyến đường ngang N5, đường ngang N5 (đoạn 2) thuộc Khu kinh tế Đông Nam 03 tháng đầu năm 2024)	150	150										
11	Tỉnh ủy Nghệ An	71	71										
-	Ban Dân vận Tỉnh ủy (Hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2024)	71	71										
XV	Kinh phí các đoàn thanh tra, kiểm tra	162	162										
1	Sở Xây dựng	75	75										

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đăng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Văn phòng Sở Xây dựng	75	75										
-	<i>Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 3559/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành và phê duyệt kế hoạch kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	50	50										
-	<i>Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đơn của công dân phản ánh một số sai phạm của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ tổng hợp Lam Sơn</i>	25	25										
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	42	42										
	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	42	42										
-	<i>Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 3559/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành và phê duyệt kế hoạch kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	42	42										
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	45	45										
-	<i>Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 3559/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành và phê duyệt kế hoạch kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i>	45	45										
XVI	Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông	177,650	177,650										
1	Sở Tư pháp	177,650	177,650										
	Văn phòng Sở Tư pháp	177,650	177,650										
-	<i>Kinh phí tuyên truyền pháp luật về trật tự ATGT</i>	177,650	177,650										
XVII	Kinh phí tổ chức các ngày lễ lớn	249									249		
1	Sở Văn hóa và Thể thao	249									249		
1.1	Thư viện tỉnh	129									129		

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực											
			Chi QLNN, đăng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động trang trí, tuyên truyền, văn hóa nghệ thuật chào năm mới	129									129			
1.2	Khu Di tích Kim Liên	120									120			
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động trang trí, tuyên truyền, văn hóa nghệ thuật Chào năm mới	120									120			
XVIII	Phân bổ sau lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề	471				471								
1	Đại học Kinh tế Nghệ An	471				471								
-	Kinh phí thực hiện chỉnh sách học sinh Lào theo Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định chỉnh sách hỗ trợ đào tạo lưu học sinh Lào diện thỏa thuận hợp tác giáo dục, đào tạo của tỉnh Nghệ An nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An	471				471								
XIX	Quốc phòng an ninh phân bổ sau	16.136												
1	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An	1.586						1.586						
-	Kinh phí khen thưởng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023 theo Luật Dân quân tự vệ năm 2019	1.586					1.586							
2	Công an tỉnh	3.500						3.500						
-	Kinh phí đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	3.500					3.500							
3	Các huyện (Chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.2)	11.050						11.050						
-	Kinh phí triển tập khu vực phòng thủ cấp huyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã năm 2024	11.050					11.050							
XX	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024	21.435												

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 và các lớp tổ chức năm 2023 chuyển qua	21.359					21.359						
1.1	Trường Chính trị tỉnh	4.546					4.546						
1.2	Tỉnh ủy Nghệ An	1.737					1.737						
-	Văn phòng Tỉnh ủy	134					134						
-	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	665					665						
-	Ban Nội chính Tỉnh ủy	136					136						
-	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	311					311						
-	Ban Dân vận Tỉnh ủy	420					420						
-	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	71					71						
1.3	Đảng ủy khối Các Cơ quan tỉnh	1.605					1.605						
1.4	Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh	898					898						
1.5	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	208					208						
1.6	Công an tỉnh	1.259					1.259						
1.7	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	536					536						
1.8	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	1.346					1.346						
1.9	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	601					601						
1.10	Tỉnh đoàn	867					867						
1.11	Hội Cựu chiến binh	173					173						
1.12	Sở Nội vụ	2.126					2.126						
-	Văn phòng Sở Nội vụ	1.180					1.180						
-	Ban Thi đua khen thưởng	285					285						
-	Ban tôn giáo	661					661						
1.13	Sở Tài chính	909					909						
-	Văn phòng Sở Tài chính	110					110						
-	Trung tâm Hỗ trợ tư vấn Tài chính	799					799						
1.14	Thanh Tra tỉnh	106					106						
1.15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	298					298						

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	138					138						
-	Ban vì sự tiến bộ Phụ nữ tỉnh	160					160						
1.16	Sở Ngoại vụ	37					37						
1.17	Sở Tài nguyên và Môi trường	100					100						
-	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	100					100						
1.18	Sở Tư pháp	578					578						
-	Văn phòng Sở Tư pháp	578					578						
1.19	Sở Văn hóa và Thể thao	43					43						
-	Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao	43					43						
1.20	Sở Thông tin và Truyền thông	1.880					1.880						
-	Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	390					390						
-	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	1.490					1.490						
1.21	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.023					1.023						
-	Trung tâm GDTX - Hướng nghiệp tỉnh	1.023					1.023						
1.22	Vườn Quốc gia Pù mát	137					137						
1.23	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện con cuông	346					346						
2	Sở Văn hóa và Thể thao	60					60						
	Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An	60					60						
-	Hỗ trợ kinh phí cho nghệ sĩ làm việc tại đơn vị được cử đi đào tạo trình độ đại học theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định chính sách hỗ trợ đối với Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, câu lạc bộ trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và Nghệ sĩ đang làm việc tại Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An	60					60						
3	Tỉnh đoàn Nghệ An	15,53					15,53						

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	<i>Kinh phí cho cán bộ Tỉnh đoàn tham gia học lớp cao cấp lý luận chính trị tập trung do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức</i>	15,53					15,53						
XXI	Nguồn chi khác ngân sách	1.501,320	1.501,320										
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	780	780										
	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu	780	780										
-	<i>Kinh phí sửa chữa dãy phòng học và nhà truyền thống</i>	780	780										
2	Công an huyện Nghĩa Đàn	301,320	301,320										
-	<i>Kinh phí chi trả cho người trúng đấu giá theo quyết định số 188/QĐ-XPHQ ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả</i>	301,320	301,320										
3	Sở Tư pháp	420	420										
	Văn phòng Sở Tư pháp	420	420										
-	<i>Kinh phí sửa chữa một số hạng mục công trình phụ trợ thuộc Trụ sở Sở Tư pháp</i>	420	420										
XXII	Nguồn kinh phí trang bị phương tiện làm việc	480	480										
1	Sở Tư pháp	480	480										
	Văn phòng Sở Tư pháp	480	480										
-	<i>Kinh phí mua sắm trang thiết bị</i>	480	480										
XXIII	Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	210.208,7											
1	Sở Y tế	6.416,2				6.416,2							
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	6.416,2				6.416,2			203.792,5				

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/2/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập	6.416,2				6.416,2							
2	Cấp cho các huyện để thực hiện chính sách tinh giản biên chế (chi tiết tại Phụ lục 2.1.2)	136.685,3							136.685,3				
	Cấp cho các huyện để thực hiện chính sách mai táng phí đối với cựu chiến binh, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến và người hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp một lần đã từ trần (chi tiết tại Phụ lục 2.1.2)	67.107,2							67.107,2				
XXIV	Nguồn phân bổ sau sự nghiệp y tế (cấp huyện) (chi tiết tại Phụ lục 2.1.2)	3.327,8				3.327,8							
1	Kinh phí thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực y tế theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực Y tế công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An	2.128,3				2.128,3							
2	Kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp hàng tháng cho các bác sỹ theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với cán bộ y tế hành nghề khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An	723,5				723,5							

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Kinh phí chi thường xuyên do tăng biên chế theo định mức quy định tại Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và ổn định đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	224				224							
4	Kinh phí quản lý do tăng giường bệnh theo quy định tại Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và ổn định đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An	252				252							
XXV	Nguồn kinh phí các chương trình khác để hỗ trợ sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2023 theo Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh về mức ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa cho các huyện, thành phố, thị xã để hỗ trợ sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2023 (cấp cho các huyện) (Chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.2)	3.952,2			3.952,2								
XXVI	Nguồn phân bổ sau sự nghiệp văn hóa để thưởng mô hình văn hóa tiêu biểu năm 2023 theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An (cấp cho các huyện) (Chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.2)	260									260		

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
XXVII	Nguồn hỗ trợ xuất khẩu lao động để thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số Điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (cấp cho các huyện) (Chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.2)	3.845			3.845								
XXVIII	Nguồn đảm bảo xã hội để cấp kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đảm bảo theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 94/UBND-TH ngày 04/01/2024 về việc giải quyết kiến nghị cử tri (cấp cho các huyện) (Chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.2)	1.132							1.132				
XXIX	Nguồn kinh phí thực hiện chính sách thưởng trong xây dựng nông thôn mới để thực hiện chính sách thưởng trong xây dựng Nông thôn mới theo Nghị quyết 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ và thưởng trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 (cấp cho các huyện) (Chi tiết các huyện, xã tại Phụ lục 2.1.2 và 2.1.3)	10.590			10.590								

TT	Đơn vị	Số tiền	Chi tiết theo từng lĩnh vực										
			Chi QLNN, đảng, đoàn thể	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đào tạo lại	Chi quốc phòng, an ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp văn hóa	Sự nghiệp thể thao	Khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
XXX	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, câu lạc bộ trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và Nghệ sĩ đang làm việc tại Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An (Từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nghệ nhân, câu lạc bộ theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND) (Chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.2)	954									954		
XXXI	Kinh phí thực hiện chính sách khen thưởng danh hiệu “Gia đình văn hóa” 3 năm liên tục tiêu biểu được tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa tiêu biểu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận lần đầu theo quy định tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về một số chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hóa trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025 (Từ nguồn Chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hóa theo NQ số 29/2020/NQ-HĐND) (Chi tiết các huyện tại Phụ lục 2.1.2)	3.971									3.971		
C	Chi trả nợ vay (Chi tiết tại Phụ lục 2.1.1)	4.358											4.358
1	Thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đến hạn cho Bộ Tài chính của các dự án sử dụng vốn địa phương vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài	4.358											4.358

Phụ lục 2.1.1
TỔNG HỢP CÁC KHOẢN NỢ GỐC VÀ LÃI, PHÍ ĐÈN HẠN TRẢ BỘ TÀI CHÍNH
CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐỊA PHƯƠNG VAY LẠI CHÍNH PHỦ VỐN VAY NƯỚC NGOÀI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)			Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Nghệ An -FMCR			Tiểu dự án 3 Cải thiện CSHT đô thị Hoàng Mai, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An thuộc dự án Cải thiện CSHT đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ			Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2 (THGP2)			Nghĩa vụ trả nợ Bộ Tài chính kỳ này		Triệu VNĐ
					USD	Tỷ giá quy đổi	Triệu VNĐ	USD	Tỷ giá quy đổi	Triệu VNĐ	EURO	Tỷ giá quy đổi	Triệu VNĐ	USD	Tỷ giá quy đổi	Triệu VNĐ	USD	EURO	
	Tổng				95.138,71		2.361	50.020,76		1.242	9.161,23		255	56.650,00		1.407	201.809,48	9.161,23	5.265
I	Gốc				76.560,00	24.820	1.900	45.375,00	24.820	1.126		27.684,75	-	53.670,00	24.820	1.332	175.605,00	-	4.358
II	Lãi và các khoản phí				18.578,71		461	4.645,76		116	9.161,23		255	2.980,00		75	26.204,48	9.161,23	907
1	Lãi	8304	560	401	18.578,71	24.820	461	1.874,84	24.820	47	1.246,58	27.684,75	35	1.511,00	24.820	38	21.964,55	1.246,58	581
2	Phí cam kết	8555	560	401		24.820	-	1.085,23	24.820	27	6.668,08	27.684,75	185	965,00	24.820	24	2.050,23	6.668,08	236
3	Phí quản lý cho vay lại	8557	560	401		24.820	-	671,42	24.820	17	1.246,58	27.684,75	35	504,00	24.820	13	1.175,42	1.246,58	65
4	Phí dịch vụ	8599	560	401		24.820	-	1.014,27	24.820	25		27.684,75	-		24.820	-	1.014,27	-	25

ng

PHẦN BỘ DỮ LIỆU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ NĂM 2024 - KHỐI HUYỆN, XÃ
 Phụ lục 2.1.2
 (Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Tên đơn vị	Chỉ số thực hiện		Chỉ số kế hoạch		Chỉ số thực hiện		Chỉ số kế hoạch	
		Đơn vị tính	%	Đơn vị tính	%	Đơn vị tính	%		
1	Tổng cộng	14.712,9	64,8	28.987,2	100,8	11.412,8	25,9	129,6	112,0
2	Huyện Nghi Lộc	11.412,8	0,0	17.018,1	0,0	11.412,8	36,0	129,6	112,0
3	Huyện Nam Đàn	28.987,2	100,8	28.987,2	100,8	150,0	25.055,0	20,0	2.107,3
4	Huyện Thanh Chương	20.797,5	100,8	20.797,5	100,8	200,0	9.742,2	40,0	9.742,2
5	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
6	Huyện Diễn Châu	15.154,9	64,0	15.154,9	64,0	50,0	8.196,1	0,0	4.212,0
7	Huyện Yên Thành	25.251,6	129,6	25.251,6	129,6	300,0	16.770,0	40,0	5.110,0
8	Huyện Đô Lương	20.725,3	264,6	20.725,3	264,6	270,0	9.972,0	20,0	9.972,0
9	Huyện Anh Sơn	15.231,1	80,0	15.231,1	80,0	600,0	10.140,0	20,0	3.420,0
10	Huyện Quỳnh Châu	4.636,2	110,0	4.636,2	110,0	30,0	2.996,0	20,0	702,0
11	Huyện Quế Phong	7.851,8	60,0	7.851,8	60,0	1.956,0	1.956,0	0,0	684,0
12	Huyện Tân Kỳ	15.154,9	64,0	15.154,9	64,0	50,0	8.196,1	0,0	4.212,0
13	Huyện Nghi Sơn	11.412,8	0,0	17.018,1	0,0	11.412,8	25,9	129,6	112,0
14	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
15	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
16	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
17	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
18	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
19	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
20	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
21	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
22	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0
23	Huyện Quỳnh Lưu	18.057,2	97,2	18.057,2	97,2	830,0	5.690,0	20,0	6.714,0

Ghi chú: - (*) Đối với kinh phí thực hiện chính sách mai táng phí: sử dụng nguồn cải cách tiền lương của tỉnh để chi trả và sẽ hoàn trả từ nguồn ngân sách trung ương sau khi quyết toán chính sách an sinh xã hội của tỉnh
 - (**) Chi tiết kinh phí thực hiện chính sách lương các xã trong xây dựng Nông thôn mới chi tiết tại Phụ lục số 2.1.3

Phụ lục 2.1.3

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THƯỜNG TRỌNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Số Quyết định công nhận "Xã đạt chuẩn NTM", "Xã đạt chuẩn NMT nâng cao", "Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu"	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Số tiền
A	B	1	2	3	4
I	Huyện Nam Đàn				2.100
1	Xã Nam Giang	Số 1068/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu"	Làm mương thoát nước dân sinh xóm 2 ra chợ Sáo, cống thoát nước đường vào nhà văn hóa xóm 4, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn	UBND xã	700
2	Xã Nam Anh	Số 1068/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu"	Nâng cấp, sửa chữa sân trường THCS Anh Xuân, huyện Nam Đàn	UBND xã	700
3	Xã Nam Nghĩa	Số 1068/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu"	Đường GTNT Ngã ba Eo nước năm - Nghĩa địa Eo Tôn xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn	UBND xã	700
II	Huyện Quỳnh Lưu				1.100
1	Xã Tiến Thủy	Số 4905/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới"	Hệ thống điện chiếu sáng gắn với camera an ninh một số đoạn đường giao thông trục xã, thôn trên địa bàn xã Tiến Thủy tại xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã	500
2	Xã Quỳnh Thạch	Số 1067/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới Nâng cao"	Cải tạo nâng cấp mương xóm 7, 8 xã Quỳnh Thạch	UBND xã	600

ng

TT	Đơn vị	Số Quyết định công nhận "Xã đạt chuẩn NTM", "Xã đạt chuẩn NMT nâng cao", "Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu"	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Số tiền
III	Huyện Hưng Nguyên				700
1	Xã Hưng Tân	Số 4357/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu"	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã Hưng Tân - Hưng Thắng, huyện Hưng Nguyên	UBND xã	700
IV	Huyện Nghi Lộc				600
1	Xã Nghi Thuận	Số 4356/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao"	Xây dựng các công trình phụ trợ Trường mầm non xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	UBND xã	600
V	Huyện Đô Lương				600
1	Xã Hòa Sơn	Số 4352/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao"	Cải tạo, nâng cấp chợ Hòa Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã	600
VI	Huyện Yên Thành				600
1	Xã Nhân Thành	Số 687/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao"	Xây dựng mương N84T4, xã Nhân Thành, huyện Yên Thành	UBND xã	600
VII	Huyện Diễn Châu				1.600
1	Xã Diễn Bích	Số 4353/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn nông thôn mới"	Xây dựng Trung tâm giao dịch một cửa và sân khuôn viên Trụ sở UBND xã Diễn Bích	UBND xã	500
2	Xã Diễn Ngọc	Số 413/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới"	Nhà làm việc kiêm giao dịch một cửa UBND xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu	UBND xã	500
3	Xã Diễn Hồng	Số 310/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao"	Nhà đa chức năng, nhà thực hành và nhà làm việc trường THCS Diễn Hồng, huyện Diễn Châu	UBND xã	600

TT	Đơn vị	Số Quyết định công nhận "Xã đạt chuẩn NTM", "Xã đạt chuẩn NMT nâng cao", "Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu"	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Số tiền
VIII	Huyện Thanh Chương				1.700
1	Xã Thanh Hương	Số 1065/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới "	Nâng cấp khuôn viên Trung tâm học tập cộng đồng xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương	UBND xã	500
2	Xã Thanh Phong	Số 1067/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao"	Cải tạo trung tâm giao dịch một cửa, xây dựng nhà để xe UBND xã Thanh Phong	UBND xã	600
3	Xã Thanh Đồng	Số 3745/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao "	Cải tạo nhà làm việc, nhà vệ sinh, hàng rào và bố trí cơ sở vật chất phục vụ làm việc, hội họp UBND xã Thanh Đồng	UBND xã	600
IX	Thành phố Vinh				600
1	Xã Hưng Lộc	Số 687/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công nhận "Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao"	Sửa chữa các công trình trạm y tế, trường mầm non, nhà văn hóa xóm 14, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh	UBND xã	600
Tổng cộng					9.600



Phụ lục 2.1.4

KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
TỔNG CỘNG								21.359
A- CÁC LỚP ĐÃ TỔ CHỨC NĂM 2023 CHUYỂN QUA								2.469
I	Đào tạo cao cấp lý luận chính trị (cấp cho Trường Chính trị tỉnh)		3	185				2.231
1	Lớp cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K73.B09	Cán bộ chủ chốt và cán bộ nguồn cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương	1	61	18 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	490
2	Lớp cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K73.B10	Cán bộ chủ chốt và cán bộ nguồn cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương	1	62	18 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	490
3	Lớp cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung K74.B01	Cán bộ chủ chốt và cán bộ nguồn cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương	1	62	18 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	1.251
II	Đào tạo trung cấp lý luận chính trị (cấp cho Trường Chính trị tỉnh)		4	188				238
-	Lớp K52.5 (không tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	59	14 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	42
-	Lớp K53.3 (tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	30	6 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	93
-	Lớp K53.4 (tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	50	6 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	42
-	Lớp K53.5 (không tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	49	14 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	61
B- CÁC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG MỚI NĂM 2024								18.890
I	CÁC LỚP DO TRUNG ƯƠNG TỔ CHỨC							710
1	Đào tạo cao cấp lý luận chính trị		1	60				710

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
-	Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung, khóa học 2024 - 2026	Cán bộ chủ chốt và cán bộ nguồn cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương	1	60	18 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	710
II	CÁC LỚP DO TỈNH TỔ CHỨC							18.180
*	KHỐI ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI							8.594
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH							1.367	
1	Đào tạo trung cấp lý luận chính trị		5	260				852
-	Lớp K54.1 (tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	50	6 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	199
-	Lớp K54.2 (tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	50	6 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	199
-	Lớp K54.3 (tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	50	6 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	199
-	Lớp K54.4 (tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	50	6 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	199
-	Lớp K54.5 (không tập trung)	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, huyện, tỉnh	1	60	14 tháng	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	56
2	Các lớp bồi dưỡng		19	950				515
-	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, thị trấn (theo Quyết định số 90-QĐ/BNV, ngày 16/2/2023 của Bộ Nội vụ)		1	50	5 ngày	Trường Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ chiêu sinh, Trường Chính trị tỉnh giảng dạy	31
-	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã (thực hiện theo Quyết định số 1117-QĐ/BNV, ngày 11/12/2022 của Bộ Nội vụ)		2	100	5 ngày	Trường Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ chiêu sinh, Trường Chính trị tỉnh giảng dạy	57
-	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị sở, ngành cấp tỉnh (nhóm 4)		5	250	5 ngày	Trường Chính trị tỉnh	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh chiêu sinh, Trường Chính trị tỉnh giảng dạy	120
-	Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở (thực hiện theo Quyết định số 4648-QĐ/HVCTQG ngày 01/10/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)		9	450	5 ngày	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	250
-	Bồi dưỡng bí thư, phó bí thư đảng ủy cấp xã, phường, thị trấn (thực hiện theo Đề án số 18-ĐA/TU, ngày 27/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)		2	100	5 ngày	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	57

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY			5	1150				665
1	Bồi dưỡng, hướng dẫn, triển khai các văn bản, quy định về công tác đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030	Cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy; thường trực, lãnh đạo, cán bộ ban tổ chức huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc	1	300	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	73
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng và đảng viên; triển khai các văn bản, quy định của Trung ương về công tác tổ chức xây dựng đảng	Cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy; lãnh đạo, cán bộ ban tổ chức huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	75
3	Bồi dưỡng hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương và chính sách cán bộ	Cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy; lãnh đạo, cán bộ ban tổ chức huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	75
4	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bảo vệ chính chính trị nội bộ của đảng; triển khai các quy định về công tác cán bộ phục vụ đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030	Cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy; thường trực, lãnh đạo, cán bộ ban tổ chức các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc; cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ sở, ban, ngành	1	250	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	82
5	Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tổ chức cán bộ; công tác chuẩn bị nhân sự đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030	Cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy; lãnh đạo, cán bộ ban tổ chức các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	75
6	Kinh phí quản lý đào tạo, bồi dưỡng của Ban Tổ chức Tỉnh ủy (thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)	Tổ chức hội thảo, hội nghị, thẩm định hồ sơ mở lớp và sơ kết, tổng kết về đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng của cấp huyện, cấp tỉnh; tham gia các hội thảo, hội nghị, tập huấn do cấp trên tổ chức, mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng					Ban Tổ chức Tỉnh ủy	285
ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY			1	300				71
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra Đảng	Cán bộ làm công tác kiểm tra Đảng cấp huyện và cấp cơ sở.	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	71

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
BAN NỘI CHÍNH TỈNH ỦY			2	300				136
1	Bồi dưỡng công tác nội chính cấp ủy	Cán bộ chủ chốt, cán bộ trực tiếp tham mưu công tác nội chính, phòng chống tham nhũng các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành cấp tỉnh	2	300	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Nội chính Tỉnh ủy	136
VĂN PHÒNG TỈNH ỦY			1	250				134
1	Triển khai biên soạn văn kiện, thể thức, thể loại, thẩm quyền ban hành và lập hồ sơ đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030	Đại diện thường trực, lãnh đạo văn phòng các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc; lãnh đạo, một số chuyên viên các ban đảng, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Tỉnh ủy	1	250	3 ngày	Thành phố Vinh	Văn phòng Tỉnh ủy	134
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY			5	1430				311
1	Bồi dưỡng công tác tuyên truyền miệng và công tác dư luận xã hội	Cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, báo cáo viên Tỉnh ủy, công tác viên dư luận các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cộng tác viên dư luận xã hội cấp tỉnh	1	260	2 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	61
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí - xuất bản	Cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, lãnh đạo các cơ quan báo chí - xuất bản trong toàn tỉnh, ban tuyên giáo các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh	1	240	2 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	57
3	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác khoa giáo (thực hiện NQ ĐH 13 về khoa giáo; công tác bảo vệ môi trường)	Cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ban tuyên giáo các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các ngành khối khoa giáo	1	230	2 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	56
4	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa, văn nghệ	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ban tuyên giáo các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, hội viên Hội Văn hóa - Nghệ thuật	1	300	2 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	63

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
5	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên truyền, định hướng nội dung chuẩn bị phục vụ đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2025-2030	Cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ban tuyên giáo các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, bí thư đảng ủy một số xã, phường, thị trấn.	1	400	2 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	74
BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY			7	2100				420
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận của Đảng năm 2024	Cán bộ Ban Dân vận Tỉnh ủy; lãnh đạo và cán bộ theo dõi công tác dân vận chính quyền các sở và đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác dân vận các đảng ủy trực thuộc; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, ban thường vụ các đoàn thể tỉnh; các hội quần chúng; cán bộ, chuyên viên ban dân vận các huyện, thành, thị ủy; trưởng khối dân vận 7-10 xã, phường, thị trấn	1	300	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Dân vận Tỉnh ủy	60
2	Hướng dẫn các kĩ năng xây dựng, nhân rộng mô hình, điển hình "Dân vận khéo"	Cán bộ, chuyên viên Ban Dân vận Tỉnh ủy; lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác dân vận các đảng ủy trực thuộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các hội quần chúng; lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác dân vận các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tỉnh; Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thực hiện công tác dân vận chính quyền tỉnh; cán bộ, chuyên viên ban dân vận các huyện, thành, thị ủy	1	300	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Dân vận Tỉnh ủy	60
3	Bồi dưỡng về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của khối dân vận cấp xã, tổ dân vận khối, xóm, bản trong tình hình mới	Cán bộ Ban Dân vận Tỉnh ủy; Lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác dân vận các đảng ủy trực thuộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh; lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác dân vận các sở, ban, ngành cấp tỉnh; đại diện lãnh đạo và cán bộ các hội quần chúng, hội xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh; cán bộ, chuyên viên ban dân vận các huyện, thành, thị ủy; trưởng khối dân vận xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân vận khối, xóm, bản.	1	300	03 ngày	Thành phố Vinh	Ban Dân vận Tỉnh ủy	60

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
4	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận chính quyền năm 2024	Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo công tác dân vận chính quyền tỉnh; đại diện lãnh đạo và cán bộ theo dõi công tác dân vận chính quyền các sở và đơn vị trực thuộc cấp tỉnh; lãnh đạo, cán bộ, chuyên viên Ban Dân vận Tỉnh ủy; Ban Chỉ đạo công tác dân vận chính quyền cấp huyện, cán bộ ban dân vận cấp huyện, trưởng phòng nội vụ các huyện, thành phố, thị xã.	1	300	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Dân vận Tỉnh ủy	60
5	Bồi dưỡng nghiệp vụ về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2024; triển khai các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tỉnh; đại diện lãnh đạo và cán bộ theo dõi Quy chế dân chủ cơ sở các sở, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; lãnh đạo, cán bộ, chuyên viên Ban Dân vận Tỉnh ủy; Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở cấp huyện, cán bộ ban dân vận cấp huyện.	1	300	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Dân vận Tỉnh ủy	60
6	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024	Cán bộ, chuyên viên Ban Dân vận Tỉnh ủy; lãnh đạo, trưởng, phó các phòng Ban Dân tộc tỉnh; lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác dân tộc của các đơn vị: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; lãnh đạo, chuyên viên ban dân vận các huyện, thành, thị ủy; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, phòng dân tộc, bí thư, chủ tịch UBND, trưởng khối dân vận các xã, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số; 3 đồng chí bí thư, các xã, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số/huyện, thành phố, thị xã; một số già làng, trưởng bản vùng dân tộc thiểu số	1	300	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Dân vận Tỉnh ủy	60

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
7	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận vùng đồng bào có đạo năm 2024	Cán bộ, chuyên viên Ban Dân vận Tỉnh ủy; lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác tôn giáo của các đơn vị; Các ban xây dựng đảng và Văn phòng Tỉnh ủy; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ), Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên & Môi trường; lãnh đạo, chuyên viên ban dân vận các huyện, thành, thị ủy; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, phòng nội vụ, công an, quân sự huyện; 3 đồng chí bí thư đảng ủy xã có đồng đồng bào theo tôn giáo hoặc có cơ sở thờ tự của các tôn giáo/huyện, thành phố, thị xã	1	300	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Dân vận Tỉnh ủy	60
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH			10	2130				1.346
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Mặt trận năm 2024 theo định hướng nội dung trọng tâm Chương trình của MTTQ Việt Nam khóa X và triển khai, thực hiện đại hội đại Đảng các cấp	Cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện, xã; ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện, xã; các tổ chức thành viên	1	250	3 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	177
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao chất lượng các cuộc vận động: Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông; người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; phong trào: Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế; mô hình tự quản ở cộng đồng,...	Cán bộ chuyên trách Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã; ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện, xã	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	126
3	Bồi dưỡng nâng cao chất lượng các cuộc vận động Quĩ vì người nghèo, Quĩ cứu trợ; kỹ năng nghiệp vụ quản lý các loại quĩ và nghiệp vụ kế toán,...	Cán bộ Mặt trận cấp tỉnh, huyện, xã; Trưởng ban công tác mặt trận	1	180	3 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	137

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
4	Bồi dưỡng kỹ năng Mặt trận Tổ quốc tiếp tục phát huy dân chủ, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng đảng, chính quyền, giám sát và phản biện xã hội theo Quyết định số 217 và số 218 của Bộ Chính trị	Cán bộ chủ chốt chuyên trách Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã; trưởng ban công tác mặt trận	1	250	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	134
5	Bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động công tác mặt trận cho MTTQ cấp cơ sở, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng; công tác hòa giải cơ sở, tiếp xúc cử tri, đối thoại người đứng đầu...	Cán bộ chủ chốt Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện; ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là đại biểu HĐND các cấp; ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, trưởng ban công tác mặt trận	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	135
6	Bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động công tác mặt trận cho ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và hội đồng, ban tư vấn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp	Cán bộ Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, trưởng ban công tác mặt trận, ban thanh tra nhân dân và giám sát đầu tư cộng đồng	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	125
7	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân tộc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tình hình mới	Cán bộ Mặt trận cấp tỉnh, huyện, xã phụ trách công tác dân tộc; ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện, xã là đồng bào dân tộc thiểu số; người uy tín tiêu biểu	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	126
8	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tình hình mới	Cán bộ chủ chốt Mặt trận Tổ quốc phụ trách công tác tôn giáo cấp tỉnh, huyện, xã; người uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	126

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
9	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên giáo mặt trận trong ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, vận động trên mạng xã hội, trang Web, Fanpage; dự luận Nhân dân; công tác thi đua, khen thưởng; đối ngoại Nhân dân, Mặt trận số theo lộ trình chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; công tác văn phòng, cải cách thủ tục hành chính, bí mật nhà nước, văn thư lưu trữ, sử dụng chữ ký số ioffice trong hệ thống Mặt trận	Cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã; cộng tác viên dự luận xã hội; người uy tín, tiêu biểu; Trưởng Ban công tác mặt trận	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	129
10	Bồi dưỡng nâng cao chất lượng hoạt động cho ban thường trực Mặt trận Tổ quốc các cấp; ban công tác mặt trận ở khu dân cư	Cán bộ phụ trách công tác tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã; trưởng ban công tác mặt trận	1	250	2 ngày	Thành phố Vinh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	131
HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH			7	690				601
1	Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ công tác hội; cập nhật các văn bản mới về chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phụ nữ, trẻ em, các nhiệm vụ, phong trào thi đua; công tác kiểm tra, giám sát; hướng dẫn thực hiện khâu đột phá "Tập trung xây dựng cơ sở hội vững mạnh, đồng hành cùng chi hội, tổ phụ nữ" giai đoạn 2023 - 2027	Cán bộ Hội phụ nữ chuyên trách cấp tỉnh, huyện	1	90	3 ngày	Thành phố Vinh	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	62
2	Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ công tác hội; cập nhật các văn bản mới về chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phụ nữ, trẻ em, các nhiệm vụ, phong trào thi đua; hướng dẫn chuyên sâu về cập nhật sổ sách, số liệu quản lý tài chính hội	Chủ tịch, phó chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ cơ sở	4	400	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	412

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
3	Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ công tác hội; cập nhật các văn bản mới về chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phụ nữ, trẻ em, các nhiệm vụ, phong trào thi đua; hướng dẫn chuyên sâu về cập nhật sổ sách, sổ liệu quản lý tài chính hội	Ủy viên thường vụ hội liên hiệp phụ nữ cơ sở	2	200	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	127
TỈNH ĐOÀN			13	2300				867
1	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng đoàn năm 2024; công tác kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội	Cán bộ đoàn chuyên trách cấp tỉnh, huyện, cơ sở; ủy viên ban chấp hành đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên UBKT cấp huyện; cán bộ phụ trách mảng công tác kiểm tra, giám sát cấp đoàn cơ sở	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Tỉnh đoàn	117
3	Lớp bồi dưỡng cán bộ đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Cán bộ đoàn chuyên trách Đoàn Khối doanh nghiệp tỉnh; Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Khối doanh nghiệp tỉnh; cán bộ đoàn cấp cơ sở trực thuộc Đoàn khối doanh nghiệp; bí thư chi đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1	150	3 ngày	TP.Vinh	Tỉnh đoàn	78
4	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về chủ quyền biển đảo, biên giới cho đoàn viên thanh niên năm 2024	Phó bí thư, cán bộ chuyên trách các đơn vị cấp huyện phụ trách mảng hoạt động; phó bí thư đoàn các xã, thị trấn; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật tại các huyện miền núi.	1	200	2 ngày	Kỳ Sơn	Tỉnh đoàn	72
5	Lớp bồi dưỡng công tác nắm bắt thông tin dư luận cho đoàn viên thanh niên; kỹ năng xây dựng phóng sự, clip tuyên truyền cho cán bộ đoàn, đoàn viên thanh niên năm 2024	Thành viên câu lạc bộ lý luận trẻ các cấp của đoàn; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp của đoàn, câu lạc bộ phóng viên trẻ cấp tỉnh, chủ nhiệm câu lạc bộ tuyên truyền viên trẻ các cấp của đoàn, cán bộ chuyên trách đoàn cấp huyện.	1	200	3 ngày	TP.Vinh	Tỉnh đoàn	76

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
6	Lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác đội TNTP Hồ Chí Minh cho ngũ giáo viên tổng phụ trách Đội	Giáo viên tổng phụ trách đội các Liên đội trường tiểu học, trung học cơ sở	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Tỉnh đoàn	86
7	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác công tác đoàn khối THPT, Đoàn - Hội sinh viên các trường đại học, cao đẳng trực thuộc	Bí thư, phó bí thư đoàn trường THPT; bí thư, phó bí thư đoàn trường, chủ tịch, phó chủ tịch Hội Sinh viên các trường đại học, cao đẳng	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Tỉnh đoàn	86
8	Lớp bồi dưỡng công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh cho cán bộ đoàn trên địa bàn dân cư	Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng đội tại các xã, phường thị trấn	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Tỉnh đoàn	63
9	Lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ Ban Chỉ huy Liên đội và phụ trách Sao Nhi đồng	Ban Chỉ huy Liên đội, phụ trách Sao Nhi đồng tại các Liên đội trên địa bàn toàn tỉnh.	1	200	2 ngày	Thành phố Vinh	Tỉnh đoàn	70
10	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ văn phòng và công tác thi đua khen thưởng nhiệm kỳ 2022 - 2027	Cán bộ đoàn cấp huyện và cấp cơ sở phụ trách mảng văn phòng, mảng thi đua khen thưởng	1	150	2 ngày	Thành phố Vinh	Tỉnh đoàn	52
11	Lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cán bộ Đoàn - Hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Cán bộ Đoàn - Hội cấp huyện, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2	300	3 ngày/lớp	Tương Dương và Quỳnh Châu	Tỉnh đoàn	82
12	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cán bộ Đoàn - Hội vùng đồng bào theo đạo	Cán bộ Đoàn - Hội cấp huyện, xã vùng đồng bào theo đạo	2	300	3 ngày/lớp	Yên Thành và Thanh Chương	Tỉnh đoàn	85
HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH			1	256				173
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hội Cựu Chiến binh năm 2023	Cán bộ Hội Cựu Chiến binh tỉnh; chủ tịch, phó chủ tịch, cán bộ văn phòng hội cựu chiến binh cấp huyện; một số chủ tịch hội cựu chiến binh xã, phường, thị trấn	1	256	4 ngày	Thành phố Vinh		173

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH			21	29342				1.605
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng đảng; hướng dẫn công tác đại hội đảng cấp cơ sở, nhiệm kỳ 2025 - 2030	Đảng ủy viên đảng bộ, chi bộ cơ sở, các đồng chí ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở, đồng chí phụ trách đảng vụ các tổ chức cơ sở đảng, tổ giúp việc (nếu có), cán bộ cơ quan Đảng ủy Khối	2	550	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	240
2	Lớp Bồi dưỡng nhận thức về đảng	Quần chúng ưu tú	3	150	5 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	99
3	Lớp Bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên mới	Đảng viên dự bị	3	150	7 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	126
4	Bồi dưỡng cấp ủy trực thuộc đảng ủy cơ sở; hướng dẫn công tác đại hội chi bộ trực thuộc đảng ủy cấp cơ sở, nhiệm kỳ 2025 - 2027	Cấp ủy trực thuộc đảng ủy cơ sở	3	800	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	372
5	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng	Bí thư, phó bí thư, báo cáo viên cơ sở; Ban Chỉ đạo 35 và cộng tác viên dư luận xã hội cấp đảng bộ khối	1	150	2 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	83
6	Bồi dưỡng nghiệp vụ bí thư cấp cơ sở	Bí thư cấp cơ sở	1	62	1 ngày	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	20
7	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên	Đảng viên toàn đảng bộ khối	2	10800	1 ngày	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	150
8	Bồi dưỡng, học tập, quán triệt các nghị quyết và chuyên đề của Trung ương và tỉnh	Đảng viên toàn đảng bộ khối	3	16200	1 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy khối	279
9	Bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Hội Cựu Chiến binh trong tình hình mới	Chủ tịch, phó chủ tịch, ban chấp hành các tổ chức hội cơ sở	1	80	2 ngày	Thành phố Vinh	Hội Cựu chiến binh khối	48
10	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ đoàn cơ sở; kỹ năng sử dụng, ứng dụng các công cụ phần mềm phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trong công tác đoàn	Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban chấp hành các cơ sở đoàn, chi đoàn trực thuộc đoàn cơ sở	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đoàn khối	94

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
11	Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ chi đoàn trực thuộc đoàn cơ sở; kỹ năng sử dụng, ứng dụng các công cụ phần mềm phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trong công tác đoàn	Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban chấp hành các chi đoàn trực thuộc đoàn cơ sở	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đoàn khối	94
ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TỈNH			18	11724				898
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng	Bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên, báo cáo viên, cán bộ làm công tác kiểm tra của các tổ chức cơ sở đảng, đồng chí phụ trách đảng vụ cơ sở	3	480	2 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	90
2	Bồi dưỡng nhận thức về đảng	Quản chúng ưu tú	4	200	5 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	116
3	Bồi dưỡng đảng viên mới	Đảng viên dự bị	3	150	7 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	130
4	Lớp quán triệt các nghị quyết của Đảng cấp trên	Đảng viên toàn đảng bộ khối	2	9294	2 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	161
5	Bồi dưỡng kiến thức doanh nhân	Cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp (bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng)	2	600	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	212
6	Bồi dưỡng Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị	Đội ngũ báo cáo viên cơ sở, cộng tác viên dư luận xã hội, ban chỉ đạo, tổ giúp việc	1	250	1 ngày	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	46
7	Lớp bồi dưỡng, hỗ trợ kiến thức pháp lý cho doanh nghiệp; Luật thực hiện dân chủ cơ sở	Cấp ủy viên cơ sở, trường, phó phòng ban và tương đương trở lên	1	500	1 ngày	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	67
8	Bồi dưỡng cán bộ đoàn	Cán bộ đoàn cơ sở	2	250	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Thường vụ Đảng ủy Khối	76
*	KHỐI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC		121	18.061				9.586
SỞ NỘI VỤ			22	3133				2.126
1	Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác ngành tổ chức nhà nước và công tác chuyển đổi số	Cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành Nội vụ	2	300	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Nội vụ	126

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
2	Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch trong các cơ quan nhà nước	Cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	3	240	4 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Nội vụ	227
3	Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức	Cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	3	240	4 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Nội vụ	227
4	Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác thống kê	Cán bộ, công chức làm công tác thống kê tại các xã, phường, thị trấn	4	460	4 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Nội vụ	315
5	Bồi dưỡng, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024, hướng dẫn triển khai cài đặt, sử dụng phần mềm chấm điểm, đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính các sở, ngành cho đội ngũ lãnh đạo, công chức tham mưu cải cách hành chính các sở, ngành cấp tỉnh	Lãnh đạo, công chức tham mưu công tác cải cách hành chính các sở, ngành cấp tỉnh	1	63	3 ngày	Thành phố Vinh	Sở Nội vụ	110
6	Bồi dưỡng, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024, hướng dẫn triển khai cài đặt, sử dụng phần mềm chấm điểm, đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính các sở, ngành cho đội ngũ lãnh đạo, công chức tham mưu cải cách hành chính và công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Lãnh đạo và công chức tham mưu cải cách hành chính và công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	2	210	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Nội vụ	55
7	Bồi dưỡng những nội dung cơ bản và những điểm mới của Luật thi đua, khen thưởng năm 2022, các văn bản, quy định về công tác thi đua khen thưởng của Trung ương và của tỉnh;	Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng, chánh văn phòng (phòng THHC), công chức theo dõi thi đua khen thưởng, lãnh đạo, chuyên viên phòng giáo dục - đào tạo cấp huyện; lãnh đạo và công chức cấp xã cụm thành phố Vinh và các huyện lân cận; cụm đồng bằng; công chức Ban Thi đua khen thưởng tỉnh	1	350	2 ngày	Thành phố Vinh	Ban thi đua khen thưởng - Sở Nội vụ	120

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
8	Tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ và triển khai các văn bản mới về thi đua khen thưởng; hướng dẫn thủ tục hồ sơ khen thưởng theo Chuyên đề số và công tác trao thưởng tại cấp cơ sở	Đại diện lãnh đạo phòng nội vụ, phòng giáo dục và đào tạo, công chức phụ trách thi đua, khen thưởng UBND cấp huyện; công chức văn phòng - thống kê hoặc công chức chính sách cấp xã thuộc các cụm huyện đường 7 và đường 48; công chức Ban Thi đua khen thưởng tỉnh	1	270	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban thi đua khen thưởng - Sở Nội vụ	80
9	Bồi dưỡng phổ biến và triển khai thực hiện về Luật thi đua khen thưởng; nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ Nội vụ về công tác thi đua khen thưởng và quy chế thi đua khen thưởng của tỉnh	Đại diện lãnh đạo, trưởng phòng tổ chức (hoặc chánh văn phòng) và cán bộ, công chức phụ trách công tác thi đua khen thưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; một số đơn vị trực thuộc của các sở, ban, ngành và các trường đại học, cao đẳng	1	300	2 ngày	Thành phố Vinh	Ban thi đua khen thưởng - Sở Nội vụ	85
10	Bồi dưỡng kiến thức cơ bản công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở xóm, khối, bản làm công tác tín ngưỡng tôn giáo, liên quan đến công tác tín ngưỡng, tôn giáo	2	400	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ	75
11	Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo	Cán bộ, công chức làm công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện	1	150	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ	449
12	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo	Cán bộ, công chức làm công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo cấp huyện, cấp xã	1	150	3 ngày	Thành phố Vinh	Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ	137
13	Cấp kinh phí quản lý đào tạo, bồi dưỡng (Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)	Tổ chức hội thảo, hội nghị, sơ kết, tổng kết về đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng của cấp huyện, cấp tỉnh; tham gia các hội thảo, hội nghị, tập huấn do cấp trên tổ chức, mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng.				Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	120
SỐ TÀI CHÍNH			10	1557				909
1	Tập huấn Luật quản lý sử dụng tài sản công	Đại diện phòng tài chính - kế hoạch cấp huyện; chủ tịch HĐND, UBND, công chức kế toán, địa chính cấp xã	7	1069	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh hoặc các huyện mở lớp	Trung tâm Hỗ trợ tư vấn tài chính - Sở Tài chính	556

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
2	Bồi dưỡng kiến thức về cơ chế tự chủ tài chính	Đại diện phòng tài chính - kế hoạch cấp huyện, chủ tài khoản, kế toán các đơn vị sự nghiệp công lập	3	488	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh hoặc các huyện mở lớp	Trung tâm Hỗ trợ tư vấn tài chính - Sở Tài chính	243
3	Cấp kinh phí quản lý đào tạo, bồi dưỡng (Thực hiện theo Thông tư 36 của Bộ Tài chính)	Tổ chức hội thảo, hội nghị, sơ kết, tổng kết về đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng của cấp huyện, cấp tỉnh; tham gia các hội thảo, hội nghị, tập huấn do cấp trên tổ chức, mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng.				Sở Tài chính	Văn phòng Sở Tài chính	110
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH			7	560				536
1	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ thuộc đối tượng 3 (theo Thông tư số 172/2020/TT-BQP)	Trưởng, phó phòng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; cấp huyện và tương đương; cán bộ chủ trì cấp xã	3	240	12 ngày/lớp	Trung đoàn 764, BCH Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	370
2	Bồi dưỡng cập nhật kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ thuộc đối tượng 3	Trưởng, phó phòng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; cấp huyện và tương đương; cán bộ chủ trì cấp xã	4	320	3 ngày/lớp	Trung đoàn 764, BCH Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	166
CÔNG AN TỈNH			9	1000				1259
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công an xã	Công an chính quy đang đảm nhiệm các chức danh công an xã	3	360	15 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Công an tỉnh	480
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về an ninh trật tự	Bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch UBND; chủ tịch ủy ban MTTQ cấp xã	2	240	6 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Công an tỉnh	125
3	Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ dân phố	Tổ trưởng, tổ viên của ban bảo vệ dân phố thuộc các địa bàn: Thành phố Vinh, thị xã: Cửa Lò, Thái Hòa, Hoàng Mai	2	200	8 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Công an tỉnh	554
4	Tập huấn công tác thi hành án dân sự và tái hòa nhập cộng đồng	Cán bộ, công chức thuộc UBND cấp xã	2	200	5 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Công an tỉnh	100
BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH			4	300				208
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng	Cán bộ Bộ đội Biên phòng tăng cường tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã, đảng viên sinh hoạt tạm thời tại các chi bộ, thôn, bản tại các xã biên giới	2	150	4 ngày/lớp	Tiểu đoàn huấn luyện cơ động, Bộ đội Biên phòng tỉnh (xã Bồng Khê, huyện Con Cuông)	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	104

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận	Cán bộ Bộ đội Biên phòng tăng cường tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã, đảng viên sinh hoạt tạm thời tại các chi bộ, thôn, bản tại các xã biên giới	2	150	4 ngày/lớp	Tiểu đoàn huấn luyện cơ động, Bộ đội Biên phòng tỉnh (xã Bồng Khê, huyện Con Cuông)	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	104
THANH TRA TỈNH			1	200				106
1	Tập huấn nghiệp vụ công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng	Cán bộ, công chức ngành thanh tra, ban tiếp dân cấp tỉnh, cấp huyện.	1	200	3 ngày	Thành phố Vinh	Thanh tra tỉnh	106
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			3	291				138
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác chuyên môn liên quan đến các lĩnh vực ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Lãnh đạo, chuyên viên các phòng chuyên môn liên quan thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; lãnh đạo, công chức phụ trách chính sách, kế toán thuộc phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện	1	87	3 ngày	Thành phố Vinh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	43
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức bộ máy, thi đua khen thưởng, thanh tra, kế toán tài chính ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Lãnh đạo, trưởng phòng tổ chức hành chính, kế toán, công chức, viên chức nghiệp vụ chuyên môn của các chi cục và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1	120	3 ngày	Thành phố Vinh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	53
3	Tập huấn nghiệp vụ công tác chuyên đổi số gắn với triển khai thực hiện Đề án 06/CP và công tác bí mật nhà nước ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Lãnh đạo, công chức, viên chức phụ trách Công nghệ thông tin, văn thư các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các chi cục thuộc sở	1	84	3 ngày	Thành phố Vinh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	42
BAN VÌ SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ TỈNH			5	500				160
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, công tác bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; phân tích quy trình lồng ghép giới trong công tác tổ chức cán bộ	Cán bộ, công chức, viên chức tham gia hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ, công tác bình đẳng giới của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã.	5	500	2 ngày/lớp	Tại các điểm cụm huyện	Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh	160

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
SỞ NGOẠI VỤ			1	126				37
1	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và nghiệp vụ đối ngoại	Lãnh đạo và công chức phụ trách đối ngoại của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	1	126	2 ngày	Thành phố Vinh	Sở Ngoại vụ	37
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			3	420				100
1	Bồi dưỡng phổ biến nâng cao nhận thức về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã	3	420	2 ngày/lớp	Thành phố Vinh hoặc các cụm huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	100
SỞ TƯ PHÁP			9	1324				578
1	Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin trong thực hiện công tác tư pháp ở địa phương	Công chức Sở Tư pháp; phòng tư pháp cấp huyện và công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã.	3	500	4 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Tư pháp	280
2	Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Công chức làm công tác xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; lãnh đạo UBND, HĐND; công chức tư pháp và công chức làm công tác xây dựng văn bản cấp huyện thuộc UBND cấp huyện.	2	245	2 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Tư pháp	95
3	Bồi dưỡng kiến thức pháp luật trong hoạt động giám định tư pháp	Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp; cán bộ đầu mối quản lý giám định tư pháp tại các sở, ngành cấp tỉnh; giám định viên tư pháp; người giám định tư pháp theo vụ việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đại diện tòa án, viện kiểm sát, công an cấp huyện; phòng hỗ trợ tư pháp.	2	312	2 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Tư pháp	105

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
4	Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác xử lý vi phạm hành chính	Cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, tham mưu xử phạt vi phạm hành chính của các sở, ngành cấp tỉnh; công chức phòng tư pháp và các phòng chuyên môn tham mưu công tác xử phạt vi phạm hành chính của UBND cấp huyện	2	267	2 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Tư pháp	98
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO			1	150				43
1	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác thể dục thể thao	Cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác thể dục thể thao cấp huyện	1	150	2 ngày	Thành phố Vinh	Sở Văn hóa và Thể thao	43
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			36	8070				1.880
1	Bồi dưỡng hướng dẫn thực hiện các văn bản mới bổ sung, sửa đổi, thay thế thuộc lĩnh vực thông tin, báo chí, xuất bản	Công chức văn hoá cấp huyện; công chức văn hoá cấp xã; phòng Thông tin Báo chí Xuất bản, Thanh tra Sở, Văn phòng Sở	3	480	1 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Thông tin và truyền thông	70
2	Tập huấn biên tập, viết tin, bài tuyên truyền cho cán bộ làm công tác thông tin cơ sở	Công chức văn hoá thông tin cấp huyện; viên chức thực hiện công tác thông tin cơ sở trung tâm Văn hóa thông tin và truyền thông cấp huyện; công chức văn hoá cấp xã; Phòng Thông tin Báo chí Xuất bản, Chuyển đổi số, Văn phòng Sở	3	480	1 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Thông tin và truyền thông	164
3	Bồi dưỡng, triển khai các quy định của pháp luật về thiết lập, quản lý công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử	Cán bộ phụ trách công thông tin điện tử các sở, ngành, huyện, thành, thị; các đơn vị thiết lập trang thông tin điện tử; cán bộ phòng Văn hóa thông tin cấp huyện; cán bộ phụ trách công thông tin điện tử các xã có công, trang Thông tin điện tử	1	200	1 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Thông tin và truyền thông	29
4	Bồi dưỡng kỹ năng các nội dung về lĩnh vực viễn thông	Lãnh đạo và chuyên viên phòng Văn hóa thông tin cấp huyện; công chức văn hoá cấp xã; Phòng Chuyển đổi số, Thanh tra Sở, Văn phòng Sở	1	480	1 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Thông tin và truyền thông	47
5	Tập huấn công tác chuyển đổi số	Lãnh đạo và chuyên viên phòng Văn hóa thông tin cấp huyện; lãnh đạo hoặc công chức văn hoá xã; Phòng Chuyển đổi số, Thanh tra sở, Văn phòng sở	3	480	1 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Sở Thông tin và truyền thông	80

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
6	Bồi dưỡng sử dụng hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo	Cán bộ, công chức, viên chức tham gia công tác xử lý và giải quyết khiếu nại tố cáo, tiếp công dân của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.	5	150	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Nghệ An	121
7	Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu, công nghệ số	Cán bộ công chức, viên chức các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, huyện; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	5	150	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Nghệ An	126
8	Bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật, quản lý khai thác vận hành và xử lý sự cố các hệ thống đài truyền thanh cơ sở.	Cán bộ kỹ thuật phụ trách Đài Truyền thanh cơ sở	5	150	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Nghệ An	176
9	Bồi dưỡng, tập huấn trực tiếp về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức đầu mối	Cán bộ, viên chức làm đầu mối của các cơ quan, đơn vị trường học (các cơ quan, đơn vị còn lại của năm 2023 chưa bồi dưỡng)	5	500	3 ngày/lớp	Thành phố Vinh	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Nghệ An	267
10	Bồi dưỡng, tập huấn online về chuyển đổi số trên nền tảng trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.	Cán bộ, viên chức của các cơ quan, đơn vị trường học (các cơ quan, đơn vị còn lại của năm 2023 chưa bồi dưỡng)	5	5000	10 ngày học/đợt	Học online	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Nghệ An	800
VƯỜN QUỐC GIA PÙ MÁT			2	70				137
1	Tập huấn sử dụng phần mềm Qgis trong công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp	Kiểm lâm viên của Vườn Quốc gia Pù Mát	2	70	4 ngày/lớp	Vườn Quốc gia Pù Mát	Vườn Quốc gia Pù Mát	137
TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN - HƯỚNG NGHIỆP TỈNH			6	270				1.023
1	Bồi dưỡng tiếng Dân tộc Thái	Cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang tại các huyện vùng dân tộc miền núi	5	225	45 ngày/lớp	Tại các huyện vùng dân tộc miền núi (Dự kiến tại các huyện: Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tương Dương)	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - HN tỉnh	875

TT	Nội dung	Đối tượng	Số lượng		Thời gian khóa học	Địa điểm	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức mở lớp	Kinh phí
			Số lớp	Số người				
2	Bồi dưỡng tiếng Dân tộc Mông	Cán bộ, công chức, viên chức thuộc huyện Tương Dương	1	45	45 ngày	Huyện Tương Dương	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	148
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN CON CUÔNG			2	90				346
1	Bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái	Cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang tại huyện Con Cuông	2	90	45 ngày	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Con Cuông	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Con Cuông	346

Phụ lục 2.2

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NƯỚC NGOÀI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tên nhà tài trợ	Bên viện trợ	Chủ dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng vốn cam kết viện trợ	Dự toán 2024 đề nghị phân bổ đợt này			
							Tổng cộng	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
A	Dự toán HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 07/12/2023						21.515	19.431	2.084	
B	Đề nghị giao dự toán đợt này					51.387	21.515	19.431	2.084	-
I	Vườn Quốc gia Pù Mát					12.300	5.745	5.745	-	-
1	Dự án Bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Pù Mát	Phi chính phủ	Fauna & Flora International (FFI)	Vườn Quốc gia Pù Mát	2023 - 2025	12.300	5.745	5.745		
II	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An					16.719	9.318	9.318	-	-
1	Các khoản viện trợ đã tiếp nhận nhưng chủ khoản viện trợ chưa hoàn thành thủ tục ghi thu ghi chi NSNN					5.607	4.873	4.873	-	-
1.1	Khoản viện trợ của Tổ chức Zhishan Foundation (Cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, Hỗ trợ chi phí phẫu thuật, chỉnh hình cho trẻ khuyết tật, Hỗ trợ các trường mầm non, Lâm bạn với sách)	Phi chính phủ	Tổ chức Zhishan Foundation	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An	2022	2.388	1.654	1654		

ng

TT	Nội dung	Tên nhà tài trợ	Bên viện trợ	Chủ dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng vốn cam kết viện trợ	Dự toán 2024 đề nghị phân bổ đợt này			
							Tổng cộng	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
1.2	Khoản viện trợ của Tổ chức Give It Back To Kids (lô hàng 500 thiết bị lọc nước)	Phi chính phủ	Tổ chức Give It Back To Kids (GBTK)	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An	2022 - 2023	575	575	575		
1.3	Khoản viện trợ của Tổ chức Give It Back To Kids (lô hàng 800 thiết bị lọc nước)	Phi chính phủ	Tổ chức Give It Back To Kids (GBTK)	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An	2022 - 2023	920	920	920		
1.4	Hỗ trợ chăm sóc y tế cho đối tượng dưới 18 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Phi chính phủ	Giving It Back To Kids (GIBTK)	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An	2023	1.724	1.724	1.724		
2	Các khoản viện trợ đã tiếp nhận nhưng chủ khoản viện trợ chưa hoàn thành thủ tục ghi thu ghi chi NSNN					11.112	4.445	4.445	-	-
2.1	Chương trình dự án hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2026 do EPTV viện trợ	Phi chính phủ	Ecole pour tous au Vietnam (EPTV)	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An	2023 - 2026	959	959	959		
2.2	Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2025	Phi chính phủ	Tổ chức Zhishan Foundation	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An	2023 - 2025	10.153	3.486	3486		
III	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Nghệ An					2.796	693	693	-	-
1	Thúc đẩy việc thực hiện các quyền sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của trẻ vị thành niên tại các vùng nông thôn của huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023 - 2026	Phi chính phủ	Tổ chức Adoptionscentrum Thụy Điển	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Nghệ An	2023 - 2026	2.796	693	693		

TT	Nội dung	Tên nhà tài trợ	Bên viện trợ	Chủ dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng vốn cam kết viện trợ	Dự toán 2024 đề nghị phân bổ đợt này			
							Tổng cộng	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
IV	Sở Y tế					576	540	540	-	-
1	Tiếp nhận 15 máy tính và 15 đầu đọc mã vạch phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch	Tổ chức quốc tế	Quỹ nhi đồng liên hợp quốc (UNICEF)	Sở Y tế	2022	576	540	540		
V	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					16.912	3.135	3.135	-	-
1	Dự án khảo sát xác minh kinh doanh SDGs với khu vực tư nhân để phát triển chuỗi giá trị cho tói Sanuki tại Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Tổ chức quốc tế	Hợp tác xã Farmers, Co-op, Nhật Bản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2023 - 2026	16.912	3.135	3.135		
VI	UBND huyện Thanh Chương					2.084	2.084	-	2.084	-
1	Xây dựng lớp học Trường mầm non Thanh Lâm, xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương	Chính phủ	Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam	UBND xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương	2022 - 2023	2.084	2.084		2.084	

ng

Phụ lục 3**PHÂN BỐ DỰ TOÁN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2024***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị, nội dung	Số tiền
	Tổng cộng	33.335,3
I	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai năm 2022 từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu tại Công văn số 1015/BTC-NSNN ngày 24/01/2024 của Bộ Tài chính về việc kinh phí khắc phục thiệt hại về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản do thiên tai, dịch bệnh năm 2022	33.335,3
1	Thành phố Vinh	519,5
2	Huyện Hưng Nguyên	519,0
3	Huyện Nam Đàn	2.233,8
4	Huyện Nghi Lộc	497,0
5	Huyện Diễn Châu	3.553,5
6	Huyện Quỳnh Lưu	2.900,8
7	Huyện Yên Thành	430,5
8	Huyện Đô Lương	2.046,4
9	Huyện Thanh Chương	4.320,2
10	Huyện Anh Sơn	3.876,8
11	Huyện Tân Kỳ	2.913,7
12	Huyện Nghĩa Đàn	1.676,2
13	Huyện Quỳnh Hợp	617,9
14	Huyện Quỳnh Châu	216,5
15	Huyện Quế Phong	962,0
16	Huyện Con Cuông	1.303,2
17	Huyện Tương Dương	1.869,9
18	Huyện Kỳ Sơn	976,4
19	Thị xã Cửa Lò	73,2
20	Thị xã Thái Hoà	541,0
21	Thị xã Hoàng Mai	1.288,0

ng